**Chủ đề : NHẬT BẢN( 3 tiết)**

Diện tích: 378.000km2 Dân số: 127,7 triệu người(2005) Thủ đô: Tô-ki-ô

TIẾT 1: **TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:**

**1. Vị trí địa lí:**

- Là quần đảo ở quần đảo trên Thái Bình Dương, gồm 4 đảo lớn: Hô-cai-đô, Hôn-Su, Xi-cô cư, Kiu-xiu và hàng nghìn đảo nhỏ.

- Có các dòng biển nóng lạnh gặp nhau tạo nên nhiều ngư trường lớn

**2.Đặc điểm tư nhiên:**

- Địa hình: chủ yếu là đồi núi(80% diện tích), ít đồng bằng, nhiều núi lửa và động đất

- Khí hậu :gió mùa, mưa nhiều, thay đổi từ Bắc xuống Nam, Bắc ôn đới, Nam cận nhiệt

- Sông ngòi: ngắn,dốc => phát triển thủy điện

- Nghèo khóang sản, chỉ có than, đồng => thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp

\* Khó khăn: nhiều thiên tai động đất, núi lửa, sóng thần, bão............

**II. DÂN CƯ:**

- Là nước đông dân, thứ 4 TG.

- Tốc độ gia tăng dân số thấp ( 2005: 0,1%) và giảm dần.

- Cơ cấu dân số già, tuổi thọ tăng => thiếu lao động, chi phí phúc lợi cao

- Dân cư tập trung tại các thành phố ven biển.

- Người lao động cần cù, làm việc tích cực tự giác và trách nhiệm cao

- Chú trọng đầu tư cho giáo dục

**III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

a. Giai đoạn 1950 - 1973

- Tình hình: sau chiến tranh Thế giới II, kinh tế suy sụp nghiêm trọng Đến 1952 kinh tế khôi phục ngang mức trước chiến tranh và phát triển với tốc độ cao giai đoạn 1955-1973

- Nguyên nhân:

+ Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, áp dụng kĩ thuật mới

+ Tập trung cao độ vào các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn

+ Duy trì cơ cấu kinh tế 2 tầng: vừa phát triển các xí nghiệp lớn vừa duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công

b. Giai đoạn sau 1973

- Tình hình: tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại

- Nguyên nhân: do khủng hoảng dầu mỏ

- Hiện nay: đứng thứ 2 TG về kinh tế , tài chính

**\*Đánh giá**

1/Phân tích những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên Nhật Bản đối với phát triển kinh tế.

2/Chứng minh rằng dân số Nhật Bản đang già hóa.

3/Dựa vào bảng 9.3, vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2005. Kết hợp với bảng 9.2, so sánh tốc độ phát triển kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 - 1973 và 1990 - 2005.

**Chủ đề : NHẬT BẢN( tt)**

TIẾT 2: **CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ**

**I. CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**1. Công nghiệp**

- Giá trị sản lượng công nghiệp đứng thứ 2 TG

- Nhật Bản chiếm vị trí cao trên TG về sản xuất máy công nghiệp và thiết bị điện tử, người máy, tàu biển, thép, ô tô, tivi, máy ảnh, tơ tằm

- Một số ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp:chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng, dệt

- Mức độ tập trung cao, phân bố chủ yếu ở đảo hôn-su(ven biển Thái Bình Dương)

**2. Dịch vụ:**

- Là khu vực kinh tế quan trọng ( 68% GDP).

- Thương mại đứng thứ 4 TG, bạn hàng ở khắp các châu lục.

- GTVT biển đứng thứ 3 TG

-Tài chính, ngân hàng đứng đầu TG, hoạt động đầu tư ra nước ngoài ngày càng phát triển

**3. Nông nghiệp**

- Giữ vai trò thứ yếu , chiếm 1% trong GDP

- Diện tích đất nông nghiệp 14% lãnh thổ

- Phát triển theo hướng thâm canh, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ hiện đại để tăng năng xuất cây trồng, vật nuôi và tăng chất lượng nông sản

- Các sản phẩm nông nghiệp chính:

+ Cây trồng chính là lúa gạo(50% diện tích canh tác).

+ Cây trồng phổ biến: chè, thuốc lá, dâu tằm

+ Chăn nuôi:tương đối phát triển(bò, lợn, gà)

+ Hải sản đánh bắt: cá thu, cá ngừ, tôm, cua,............

+ Hải sản nuôi trồng: tôm, sò, ốc, rau câu, trai lấy ngọc.........

**II.Bốn vùng kinh tế gắn với 4 đảo lớn**(**HS tự học)**

**\*Đánh giá**

1/Chứng minh rằng Nhật Bản có nền công nghiệp phát triển cao.

2/Trình bày những đặc điểm nổi bật của nông nghiệp Nhật Bản. Tại sao diện tích trồng lúa gạo của Nhật Đản giảm?

3/ Dựa vào bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG CÁ KHAI THÁC

(Đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1990** | **1995** | **2000** | **2001** | **2003** |
| Sản lượng | 11411,4 | 10356,4 | 6788,0 | 4988,2 | 4712,8 | 4596,2 |

Nhận xét và giải thích về sự thay đổi sản lượng cá khai thác của Nhật Bản qua các năm, từ 1985 đến 2003.

**Chủ đề : NHẬT BẢN( tt)**

**TIẾT 3:THỰC HÀNH: TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN** (**HS tự làm)**